

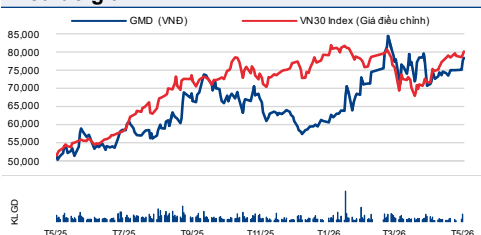
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ90,000
Tiềm năng tăng/giảm: 14.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (6/5/2026)	78,400
Mã Bloomberg	GMD VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	50,326-84,400
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	77,033
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	32,944
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,251
Slg CP lưu hành (tr.đv)	420
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	206
Slg CP NN được mua (tr.đv)	25.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	42.9%
Tỷ lệ freefloat	88.6%
Cổ đông lớn	SSJ Consulting (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	5,946	6,847	7,486
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,770	3,558	3,996
LNTT (tỷ đồng)	2,506	2,974	3,396
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,543	1,881	2,155
FCF (tỷ đồng)	(484)	3,778	2,579
EPS ĐC (đồng)	3,565	4,347	4,979
DPS (đồng)	1,478	1,478	1,478
BVPS (đồng)	30,234	34,809	38,506
T.trưởng EBITDA (%)	24.9	28.5	12.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	11.1	20.6	14.5
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	46.6	52.0	53.4
Tỷ suất LNTT (%)	42.1	43.4	45.4
Tỷ suất LNT ĐC (%)	28.2	29.9	31.3
Tỷ lệ LN trả CT (%)	37.7	31.3	27.3
Nợ thuần/VCSH (%)	5.97	(8.40)	(19.2)
ROAE (%)	13.2	14.5	14.8
ROACE (%)	7.41	8.87	9.51
EV/doanh thu (lần)	5.69	4.84	4.16
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.2	9.31	7.79
P/E ĐC (lần)	22.0	18.0	15.7
P/B (lần)	2.59	2.25	2.04
Lợi suất cổ tức (%)	1.89	1.89	1.89

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GMD là doanh nghiệp cảng biển tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với hệ thống cảng trải dài trên toàn quốc và hệ thống logistics tích hợp.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA
Trưởng phòng , Ngành Công Nghiệp &
nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

ĐHCĐ: Kế hoạch năm 2026 hơi thấp hơn dự báo của HSC

- GMD đặt kế hoạch doanh thu thuần năm 2026 đạt 6,5-6,8 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 9-14%) và LNTT đạt 2,8-3 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 11-19%), trong đó mức kế hoạch "chính thức" ở ngưỡng hơi thấp hơn so với dự báo năm 2026 của HSC.
- Chúng tôi ước tính GMD có thể ghi nhận khoản lợi nhuận trước thuế khoảng 400 tỷ đồng từ việc tái cấu trúc quan hệ đối tác chiến lược với CJ trong Q2 hoặc Q3/2026; khoản này hiện chưa được phản ánh trong kế hoạch HĐKD của công ty cũng như trong dự báo năm 2026 của HSC. Trong khi đó, kế hoạch ESOP cho giai đoạn 2026-2030 đã được điều chỉnh giảm – một tín hiệu tích cực đối với cổ đông.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 10% trong 1 tháng qua, GMD đang giao dịch ở mức P/E trước dự phóng 1 năm là 17,4 lần, so với bình quân quá khứ ở mức 19,6 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với GMD.

Sự kiện: ĐHCĐ năm 2026 diễn ra vào thứ Tư, ngày 6/5/2026

Các nội dung chính của đại hội như sau:

Kế hoạch HĐKD chính thức hơi thấp hơn dự báo năm 2026 của HSC

Cho năm 2026, GMD đưa ra hai kịch bản kế hoạch trong đó mức thấp hơn là kế hoạch chính thức trình cổ đông thông qua, còn mức cao hơn là kế hoạch phần đầu của BLĐ. Cụ thể:

- Trong kế hoạch chính thức trình cổ đông, doanh thu thuần và LNTT đạt lần lượt 6,5 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 9%) và 2,8 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 11%), tương đương 95% và 94% dự báo cho cả năm 2026 của HSC.
- Trong kế hoạch phần đầu của BLĐ, doanh thu thuần và LNTT đạt lần lượt 6,8 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 14%) và 3 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 19%), tương đương 99% và 101% dự báo.

Chi tiết về các cảng trọng điểm

Cảng Nam Đình Vũ (NĐV): Sau khi Giai đoạn 3 đi vào hoạt động từ tháng 10/2025, NĐV hiện là cảng sông lớn nhất miền Bắc với công suất hơn 2,2 triệu TEU/năm. BLĐ đặt mục tiêu sản lượng năm nay đạt 1.850.000 TEU (tăng trưởng 24%). Đây là mục tiêu đầy thách thức và sẽ đòi hỏi ít nhất 5 tuyến dịch vụ mới trong năm 2026. Trong khi đó, cạnh tranh đang gia tăng đáng kể khi cảng nước sâu Lạch Huyện đã bổ sung khoảng 2,5-3 triệu TEU công suất thiết kế kể từ năm 2025 từ các bến số 3, 4, 5 và 6. Tuy nhiên, NĐV vẫn duy trì lợi thế cạnh tranh đối với các tuyến nội Á nhờ mức phí cạnh tranh hơn so với Lạch Huyện, đồng thời có thể tiếp nhận tàu lên tới 55.000 DWT, phù hợp với các tuyến nội Á.

Trong Q1/2026, sản lượng container tại NĐV giảm 8% xuống 327.564 TEU do kỳ nghỉ Tết kéo dài tại Việt Nam và Trung Quốc, cùng với áp lực cạnh tranh gia tăng. Tuy nhiên, BLĐ vẫn tự tin sẽ hoàn thành kế hoạch sản lượng của NĐV trong năm nay.

Cảng Gemalink (GML): BLĐ đặt mục tiêu sản lượng năm nay đạt 2.150.000 TEU (tăng trưởng 11%). Khả năng hoàn thành mục tiêu này là tương đối cao khi sản lượng Q1/2026 đạt 523.133 TEU, tăng 19% so với cùng kỳ và đã hoàn thành 25% kế hoạch cả năm. Tính từ đầu năm đến nay, GML đã tiếp nhận 3 tuyến dịch vụ mới, vượt mục tiêu tự đặt ra là 1 tuyến mới. Đồng thời, GML tiếp tục tiếp nhận các tuyến dịch vụ phát sinh nhằm gia tăng sản lượng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 7/5.

(Xem tiếp trang 2)

Vào ngày 17/4, GML Giai đoạn 2 (công suất 1 triệu TEU/năm) đã khởi công và dự kiến đi vào hoạt động vào Q4/2027. Giai đoạn 3 (cũng có công suất 1 triệu TEU/năm) cũng sẽ khởi công trong năm nay và dự kiến đi vào hoạt động một năm sau Giai đoạn 2. Tổng công suất sau ba giai đoạn sẽ đạt 4 triệu TEU/năm.

BLĐ thừa nhận cạnh tranh dài hạn sẽ gia tăng từ các cảng lân cận tại Cái Mép Hạ và Cần Giờ; tuy nhiên, BLĐ cho rằng áp lực cạnh tranh đến năm 2030 đối với GML sẽ chưa quá lớn nhờ cán cân cung-cầu vẫn ở trạng thái thuận lợi.

Theo BLĐ, nhu cầu tại khu vực Cái Mép có thể đạt 12,5-12,7 triệu TEU vào năm 2030; tuy nhiên, nguồn cung chỉ ở mức khoảng 10,5 triệu TEU trong trường hợp tất cả các dự án trọng điểm như GML Giai đoạn 2, GML Giai đoạn 3, Cái Mép Hạ và Cần Giờ đều triển khai đúng tiến độ.

Các cảng mới phát triển cần thời gian để tăng dần sản lượng, trong khi GML đã sở hữu tệp khách hàng và các đối tác chiến lược ổn định. Do đó, với việc đi vào hoạt động sớm hơn từ cuối năm 2027/2028, công suất mới của GML có thể nhanh chóng được lấp đầy và tạo lợi thế cạnh tranh so với Cái Mép Hạ và Cần Giờ.

Tiềm năng ghi nhận khoản lợi nhuận lớn từ việc tái cấu trúc quan hệ đối tác chiến lược với CJ

Liên quan đến kế hoạch tái cấu trúc chiến lược hợp tác với CJ đã được công bố (chi tiết trong báo cáo [‘Gemadept và CJ Logistics tái cấu trúc chiến lược hợp tác’](#) ngày 2/4/2026.), BLĐ cho biết phần thắng dư tiền mặt thuần từ giao dịch tái cấu trúc (khoản tiền thu được từ việc bán 49% cổ phần tại GMD CJ Logistics trừ đi khoản chi để mua 49% cổ phần tại CJ Shipping) đạt khoảng 700 tỷ đồng. HSC ước tính GMD có thể ghi nhận khoản lợi nhuận không thường xuyên khoảng 400 tỷ đồng (trước thuế) từ việc bán 49% cổ phần tại GMD CJ Logistics, nhiều khả năng trong Q2 hoặc Q3/2026. Lưu ý, khoản lợi nhuận này hiện chưa được phản ánh trong kế hoạch LNTT 2,8-3 nghìn tỷ đồng năm nay của công ty cũng như trong dự báo của HSC, đồng nghĩa đây sẽ là yếu tố giúp QKQD thực hiện cao hơn dự báo.

ESOP và cổ phiếu thưởng

Cho năm 2025, GMD đề xuất phát hành ESOP tương đương 1,5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành với mệnh giá 10.000đ/cp. Cho giai đoạn 2026-2030, GMD đã điều chỉnh giảm kế hoạch ESOP so với phương án công bố trước đó trong tài liệu ĐHCĐ. Theo phương án điều chỉnh, số lượng cổ phiếu ESOP phát hành hằng năm sẽ được xác định dựa trên mức độ hoàn thành kế hoạch LNTT, với điều kiện kế hoạch LNTT phải vượt tối thiểu 15% so với kế hoạch LNTT được thông qua của năm trước (ngưỡng trước đó là 10%). Cụ thể:

- Nếu GMD không hoàn thành kế hoạch, sẽ không phát hành ESOP.
- Nếu GMD hoàn thành từ 100% đến dưới 120% kế hoạch, tỷ lệ ESOP sẽ là 1% (so với 1,2% trước đó).
- Nếu GMD hoàn thành từ 120% kế hoạch, tỷ lệ ESOP sẽ là 1,2% (so với 1,5% trước đó).

Cổ phiếu ESOP sẽ được phát hành với giá 15.000đ/cp (không thay đổi so với trước đó).

HSC cho rằng phương án ESOP ban đầu của GMD tương đối cao. Giá cổ phiếu GMD cũng đã phản ứng tiêu cực với thông tin này. Do đó, các điều chỉnh lần này là tín hiệu tích cực và theo quan điểm của chúng tôi là hợp lý hơn, cho thấy nỗ lực của BLĐ trong việc duy trì tăng trưởng LNTT tối thiểu 15% hằng năm trong giai đoạn 2026-2030.

Trong năm nay, GMD cũng đề xuất phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 50%, dự kiến thực hiện sau khi hoàn tất phát hành ESOP năm 2025. Theo đó, vốn điều lệ sẽ tăng từ 4,26 nghìn tỷ đồng hiện nay lên 6,49 nghìn tỷ đồng.

Giai đoạn 2026-2030: Chuyển dịch từ “lấy cảng biển làm trung tâm” sang “lấy hệ sinh thái hàng hải làm trung tâm”

BLĐ GMD cho biết chiến lược giai đoạn 2026-2030 sẽ tập trung vào quá trình chuyển dịch từ mô hình lấy cảng biển làm trung tâm sang lấy hệ sinh thái hàng hải làm trung tâm, với HĐKD cốt lõi dựa trên 4 trụ cột: (i) khai thác cảng, (ii) logistics cảng biển, (iii) vận tải biển và (iv) dịch vụ hàng hải, trong đó hai mảng đầu là hoạt động cốt lõi truyền thống của GMD, còn hai mảng sau sẽ là trọng tâm phát triển mới.

Đối với mảng vận tải biển: Sau khi tái cấu trúc quan hệ hợp tác với CJ, GMD hiện sở hữu 100% cổ phần GMD CJ Shipping. GMD đặt mục tiêu nâng quy mô đội tàu lên gấp 2,5 lần vào năm 2030, từ 4 tàu hiện tại lên 10 tàu. Đồng thời, GMD cũng sẽ mở rộng các tuyến vận tải hiện tại từ nội địa sang quốc tế. Trong năm 2026, GMD sẽ đầu tư 10 tàu sông có công suất 248-298 TEU và 1-2 tàu container.

Trong khi đó, đối với mảng dịch vụ hàng hải: GMD đề xuất phát triển Trung tâm Hàng hải Quốc tế tại TP.HCM nhằm đóng vai trò kết nối các doanh nghiệp vận tải biển và khai thác cảng với ngân hàng, công ty bảo hiểm và các tổ chức tài chính, qua đó tạo ra các dịch vụ giá trị gia tăng.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	4,832	5,946	6,847	7,486	8,158
Lợi nhuận gộp	2,162	2,715	3,005	3,298	3,625
Chi phí BH&QL	(816)	(1,088)	(1,164)	(1,273)	(1,387)
Thu nhập khác	(611)	(438)	(205)	(74.9)	(81.6)
Chi phí khác	262	44.6	34.2	37.4	40.8
EBIT	996	1,234	1,669	1,988	2,197
Lãi vay thuần	267	116	(41.3)	(26.2)	70.8
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	816	1,156	1,346	1,434	1,731
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	2,080	2,506	2,974	3,396	3,999
Chi phí thuế TNDN	(174)	(282)	(261)	(318)	(367)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(446)	(547)	(668)	(735)	(787)
LNST không thường xuyên	(92.0)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,459	1,677	2,045	2,342	2,845
Lợi nhuận thuần ĐC	1,251	1,543	1,881	2,155	2,618
EBITDA ĐC	2,218	2,770	3,558	3,996	4,522
EPS (đồng)	3,525	3,917	4,724	5,411	6,574
EPS ĐC (đồng)	3,021	3,565	4,347	4,979	6,048
DPS (đồng)	2,216	1,478	1,478	1,478	1,971
Slg CP bình quân (triệu đv)	414	428	433	433	433
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	414	433	433	433	433
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	414	433	433	433	433

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	3,964	1,618	4,633	6,238	7,981
Đầu tư ngắn hạn	1,021	2,657	1,404	1,538	1,679
Phải thu khách hàng	1,235	1,396	1,770	1,939	2,118
Hàng tồn kho	83.4	86.5	118	129	141
Các tài sản ngắn hạn khác	372	353	407	445	485
Tổng tài sản ngắn hạn	6,676	6,110	8,332	10,289	12,403
TSCĐ hữu hình	3,786	5,384	4,864	4,309	3,735
TSCĐ vô hình	247	245	230	221	211
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,766	1,350	1,457	1,471	1,485
Đầu tư vào Cty LD,LK	3,792	4,827	5,919	5,919	5,919
Tài sản dài hạn khác	1,719	1,860	2,417	2,643	2,882
Tổng tài sản dài hạn	11,310	13,667	14,887	14,562	14,231
Tổng cộng tài sản	17,986	19,777	23,219	24,852	26,634
Nợ ngắn hạn	422	308	598	654	712
Phải trả người bán	462	566	654	715	779
Nợ ngắn hạn khác	1,146	1,307	1,631	1,783	1,943
Tổng nợ ngắn hạn	2,107	2,350	2,993	3,272	3,566
Nợ dài hạn	1,745	2,082	2,759	2,369	1,831
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	380	485	538	588	641
Tổng nợ dài hạn	2,125	2,567	3,297	2,957	2,472
Tổng nợ phải trả	4,232	4,917	6,290	6,229	6,038
Vốn chủ sở hữu	12,386	13,085	15,065	16,666	18,541
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,368	1,775	1,864	1,957	2,055
Tổng vốn chủ sở hữu	13,753	14,860	16,929	18,622	20,596
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,986	19,777	23,219	24,852	26,634
BVPS (đ)	29,919	30,234	34,809	38,506	42,839
Nợ thuần/(tiền mặt)	(1,797)	771	(1,276)	(3,216)	(5,438)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	996	1,234	1,669	1,988	2,197
Khấu hao	(406)	(379)	(542)	(574)	(594)
Lãi vay thuần	267	116	(41.3)	(26.2)	70.8
Thuế TNDN đã nộp	(242)	(329)	(317)	(383)	(442)
Thay đổi vốn lưu động	(5.03)	(1,900)	227	(667)	(659)
Khác	(681)	(5.70)	102	22.4	23.6
LCT thuần từ HĐKD	1,647	1,492	3,785	2,589	3,085
Đầu tư TS dài hạn	(1,598)	(1,976)	(6.38)	(10.1)	(10.4)
Góp vốn & đầu tư	(1,224)	(874)	(1,091)	0	0
Thanh lý	382	0	0	0	0
Khác	944	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(1,497)	(2,827)	(1,098)	(10.1)	(10.4)
Cổ tức trả cho CSH	(917)	(640)	(640)	(640)	(853)
Thu từ phát hành CP	3,059	125	0	0	0
Tăng/giảm nợ	220	222	968	(334)	(479)
Khác	(24.9)	(723)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,337	(1,016)	328	(974)	(1,332)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,474	3,964	1,618	4,633	6,238
LCT thuần trong kỳ	2,487	(2,351)	3,015	1,605	1,743
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.15	5.00	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	3,964	1,618	4,633	6,238	7,981
Dòng tiền tự do	48.3	(484)	3,778	2,579	3,075

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	44.7	45.7	43.9	44.1	44.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	46.6	52.0	53.4	55.4
Tỷ suất LNT (%)	30.2	28.2	29.9	31.3	34.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	8.39	11.2	8.78	9.38	9.17
Tăng trưởng doanh thu (%)	25.6	23.0	15.2	9.32	8.98
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	25.5	24.9	28.5	12.3	13.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(42.0)	23.3	21.9	14.5	21.5
Tăng trưởng EPS (%)	(51.9)	11.1	20.6	14.5	21.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(57.6)	18.0	21.9	14.5	21.5
Tăng trưởng DPS (%)	(13.1)	(33.3)	0	0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	62.8	37.7	31.3	27.3	30.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	13.9	13.2	14.5	14.8	16.2
ROACE (%)	7.25	7.41	8.87	9.51	9.84
Vòng quay tài sản (lần)	0.31	0.31	0.32	0.31	0.32
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.65	1.21	2.27	1.30	1.40
Số ngày tồn kho	11.4	9.77	11.2	11.3	11.3
Số ngày phải thu	169	158	168	169	171
Số ngày phải trả	63.1	63.9	62.1	62.3	62.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(14.4)	5.97	(8.40)	(19.2)	(29.3)
Nợ/tài sản (%)	12.1	12.1	14.5	12.2	9.60
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	40.4	75.8	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.55	1.49	1.52	1.18	0.92
Chỉ số TT hiện thời (lần)	3.17	2.60	2.78	3.14	3.48
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	6.42	5.69	4.84	4.16	3.54
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.0	12.2	9.31	7.79	6.38
P/E (lần)	22.2	20.0	16.6	14.5	11.9
P/E ĐC (lần)	25.9	22.0	18.0	15.7	13.0
P/B (lần)	2.62	2.59	2.25	2.04	1.83
Lợi suất cổ tức (%)	2.83	1.89	1.89	1.89	2.51

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn